TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2026/DS-ST
Ngày: 24-02-2026
Về việc tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Bé Sáu.

2. Bà Nguyễn Thị Oanh Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 24/02/2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 638/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2026/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh ngày 15/8/1960. Địa chỉ: Ấp G, xã T, tỉnh Đồng Tháp. *Có đơn xin vắng mặt.*

2. Bị đơn: Ông Phan Văn S, sinh ngày 10/10/1975; bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh ngày 09/8/1976. Cùng địa chỉ: Ấp G, xã T, tỉnh Đồng Tháp. *Đều vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị C, trình bày:

Vào ngày 11/6/2018 (Âm lịch), do chỗ quen biết cùng xóm giềng, bà Lê Thị C có cho vợ chồng ông Phan Văn S và bà Nguyễn Thị Thúy L vay tài sản là vàng. Cụ thể số lượng vay là 15 (mười lăm) chỉ vàng 24K (loại 9 tuổi 8). Việc vay mượn có lập "Biên nhận", bà L trực tiếp ký tên xác nhận, tiêu đề biên nhận ghi "vợ S". Hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 50.000 đồng/chỉ/tháng. Sau khi vay, ông S, bà L đã trả lãi cho bà C được 07 tháng thì ngưng và không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả lãi cũng như vốn gốc. Bà C đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng các bị đơn vẫn không trả.

Nay bà Lê Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Phan Văn S và bà Nguyễn Thị Thúy L phải liên đới trả cho bà C số vàng là 15 (mười lăm) chỉ vàng 24K (loại 9 tuổi 8).

Đối với các bị đơn ông Phan Văn S và bà Nguyễn Thị Thúy L: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông S, bà L vẫn vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật do bị đơn không cung cấp văn bản ý kiến và tham gia các phiên họp theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Phan Văn S và bà Nguyễn Thị Thúy L có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà Lê Thị C tài sản là: 15 (mười lăm) chỉ vàng 24K (loại 9 tuổi 8).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Lê Thị C khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả lại 15 chỉ vàng 24K căn cứ vào biên nhận lập ngày 11/6/2018 (Âm lịch). Mặc dù giao dịch ban đầu giữa các bên thể hiện việc vay tài sản có lãi suất, nhưng tại đơn khởi kiện, nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu về tiền lãi, chỉ yêu cầu các bị đơn hoàn trả lại đúng số lượng, chất lượng tài sản gốc đã giao nhận. Căn cứ vào quyền tự định đoạt của đương sự và yêu cầu khởi kiện mang tính chất bảo vệ quyền sở hữu tài sản, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật là tranh chấp đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Căn cứ Công văn số 250/CV-CAX ngày 04/12/2025, Công an xã T xác nhận ông Phan Văn S và bà Nguyễn Thị Thúy L cùng đăng ký thường trú tại ấp G, xã T, tỉnh Đồng Tháp. Do các bị đơn cư trú tại xã T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Lê Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt. Các bị đơn các bị đơn ông Phan Văn S và bà Nguyễn Thị Thúy L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung tranh chấp:

[4.1] Xét tính có thật của việc giao nhận tài sản: Bà C cung cấp chứng cứ là bản chính "Biên nhận" đề ngày 11/6/2018 AL. Nội dung biên nhận thể hiện rõ

số lượng vàng là 15 chỉ vàng 24K, người nhận vàng là "vợ S", có chữ ký và ghi rõ họ tên là "Nguyễn Thị L". Như đã nhận định tại mục [1], theo Công văn số 250/CV-CAX ngày 04/12/2025 của Công an xã T xác nhận ông Phan Văn S có vợ là bà Nguyễn Thị Thúy L. Mặc dù biên nhận ghi tên "Nguyễn Thị L", nhưng kết hợp với nội dung ghi "vợ S" trên chứng cứ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở pháp lý khẳng định người ký nhận vàng chính là bị đơn Nguyễn Thị Thúy L trong vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, thông báo rõ về yêu cầu khởi kiện và chứng cứ của nguyên đơn, nhưng các bị đơn ông S, bà L vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến phản đối, không cung cấp tài liệu chứng minh đã hoàn trả tài sản (nếu có). Theo quy định tại Điều 91, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, do các bị đơn từ bỏ quyền chứng minh và quyền phản đối của mình, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định lời trình bày của nguyên đơn và chứng cứ "Biên nhận" giao nhận vàng là sự thật. Việc các bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ hoàn trả 15 chỉ vàng 24K khi có yêu cầu đã làm ảnh hưởng đến quyền sở hữu tài sản của nguyên đơn.

[4.2] Về trách nhiệm liên đới hoàn trả: Chứng cứ tại hồ sơ thể hiện bà L là người trực tiếp ký tên vào biên nhận nhận vàng. Tuy nhiên, tiêu đề biên nhận ghi rõ "vợ S", thể hiện tư cách giao dịch không chỉ là cá nhân mà đại diện cho vợ/chồng. Ông Phan Văn S biết rõ việc Tòa án thụ lý giải quyết tranh chấp nhưng không có ý kiến phản đối, thể hiện sự mặc nhiên thừa nhận nghĩa vụ. Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, việc xác lập giao dịch trong thời kỳ hôn nhân nhằm đáp ứng nhu cầu của gia đình làm phát sinh nghĩa vụ chung của vợ chồng. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc ông S và bà L liên đới trả lại số vàng đã nhận là có căn cứ, phù hợp với Điều 166 Bộ luật Dân sự, nên buộc các bị đơn liên đới trả lại cho bà C 15 (mười lăm) chỉ vàng 24K (loại 9 tuổi 8).

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, các bị đơn ông Phan Văn S và bà Nguyễn Thị Thúy L vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ Điều 91, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà C không phải chứng minh các chứng cứ đã xuất trình cho Tòa án.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ như Hội đồng xét xử đã nhận định nên chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên các bị đơn phải liên đới chịu án phí. Căn cứ vào văn bản cung cấp thông tin ngày 24/02/2026 của Công ty TNHH K, giá vàng 24K (loại 9 tuổi 8) bán ra trên thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 16.600.000 đồng/chỉ. Giá trị tranh chấp được xác định là: 15 chỉ x 16.600.000 đồng = 249.000.000 đồng. Án phí các bị đơn phải chịu là: 249.000.000 đồng x 5% = 12.450.000 đồng.

Đối với bà Lê Thị C, do thuộc trường hợp người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí, nên được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định; vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra việc xử lý tạm ứng án phí đối với bà C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 92, 147, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 155, 166 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, các Điều 14, 15 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị C.

Buộc ông Phan Văn S và bà Nguyễn Thị Thúy L có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà Lê Thị C tài sản là: 15 (mười lăm) chỉ vàng 24K (loại 9 tuổi 8).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi vàng (nếu có) theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Phan Văn S và bà Nguyễn Thị Thúy L phải liên đới chịu 12.450.000 đồng *(Mười hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Quốc Bình